

Số: 333/BC-STC

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá tại Khánh Hòa tháng 01 năm 2021

A. Tình hình thị trường:

I. Tình hình chung:

Theo số liệu Cục Thống kê tỉnh, chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tháng 01/2021 giảm 0,52% so với tháng 12/2020.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 7 nhóm hàng có chỉ số giá tăng từ 0,03-3,14% so với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,63%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,03%; May mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,29%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06%; Giao thông tăng 3,14%; Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,04%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,14%. Nhóm có chỉ số giá giảm như: Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 4,45%. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có chỉ số giá ổn định.

	Mặt hàng	Tháng 01/2021 so với tháng 12/2020 (%)
	Chỉ số giá tiêu dùng	99,48
I	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	100,63
	Trong đó: 1- Lương thực	100,51
	2- Thực phẩm	100,99
	3- Ăn uống ngoài gia đình	100,00
II	Đồ uống và thuốc lá	100,03
III	May mặc, mũ nón, giày dép	100,29
IV	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	95,55
V	Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,06
VI	Thuốc và dịch vụ y tế	100,00
VII	Giao thông	103,14
VIII	Bru chính viễn thông	100,00
IX	Giáo dục	100,00
X	Văn hóa, giải trí và du lịch	100,04
XI	Hàng hóa và dịch vụ khác	100,14
*	Chỉ số giá vàng	101,97
*	Chỉ số giá đô la Mỹ	100,68

II. Diễn biến cụ thể:

1. Lương thực, thực phẩm:

a) Lương thực:

Giá bán lẻ các mặt hàng lương thực tháng 01/2021 tăng so với tháng 12/2020. Giá gạo tiếp tục giữ vững ở mức cao do nhu cầu mua đều và đặc biệt là nhu cầu từ kho gạo chợ làm hàng Tết. Mặc dù do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đe dọa an ninh lương thực nhưng đến nay cả 2 mục tiêu lớn Chính phủ đặt ra đối với sản xuất - xuất khẩu gạo đều đạt được. An ninh lương thực được bảo đảm tuyệt đối trong năm 2020, kể cả trong những thời điểm khó khăn nhất, khi dịch bệnh bùng phát và nước ngoài mua gạo từ Việt Nam tăng mạnh. Bộ Công thương kỳ vọng xuất khẩu gạo năm 2021 tiếp tục đạt được thành tích mới, vừa bảo đảm an ninh lương thực vừa tiêu thụ hết lúa gạo hàng hóa cho người nông dân với giá có lợi nhất. Trong khi đó, sản lượng lúa gạo của một số nước xuất khẩu khác như: Thái Lan, Campuchia, Ấn Độ bị sụt giảm do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, lũ lụt... Tại Khánh Hòa giá gạo tẻ thường bình quân tăng (+400đồng/kg), gạo tẻ ngon bình quân tăng (+166 đồng/kg), cụ thể giá bán lẻ được thu thập trực tiếp tại các chợ trên địa bàn tỉnh như: gạo tẻ thường địa phương khoảng 11.000-14.000 đồng/kg, gạo Lộc Phương 23.000 đồng/kg, gạo Đồng Văn 18.500đồng/kg, gạo Lài Sữa 19.000 đồng/kg, gạo Tía 16.000 đồng/kg, gạo Tài Nguyên 16.000 đồng/kg, gạo nếp thường, hạt tròn từ 16.000-21.000 đồng/kg. Các loại gạo miền Nam như: gạo Thơm hạt dài 18.000-19.000 đồng/kg, gạo thơm Đài Loan trong 20.000 đồng/kg, gạo Sóc Thái 18.000 đồng/kg, gạo Hoa Mai 20.000 đồng/kg, gạo Nàng Nhen 16.000 đồng/kg, gạo Nhật 24.000 đồng/kg, gạo Nàng Xuân 21.000 đồng/kg, gạo Tấm Tài Nguyên 14.000 đồng/kg, gạo nếp Sáp Tiền Giang 19.000-20.000 đồng/kg, gạo nếp Ngõng 19.000 đồng/kg, gạo Bông Lúa Vàng 21.000 đồng/kg...

b) Thực phẩm:

Mặt hàng thịt tươi sống: Giá thịt lợn hơi trong tháng 01/2021 tăng so tháng trước, tăng (+4.250 đ/kg), Tết Nguyên Đán Tân Sửu 2021 đến gần, nhu cầu sử dụng thịt heo và phụ phẩm cho các sản phẩm phục vụ Tết vì thế tăng cao như Lạp xưởng, xúc xích, giò lụa, giò thủ, nem.... tác động trực tiếp đến giá heo hơi. Liên tiếp nhiều tuần giá heo hơi tăng dần trên thị trường và dự kiến tiếp tục tăng trong 1-2 tuần nữa khi càng sát Tết. Giá heo hơi tăng, nhưng theo ghi nhận, heo mảnh tại chợ đầu mối tăng chậm hơn do sức mua cũng còn chậm và tiểu thương không tăng giá nhiều để giữ khách. Theo Bộ Nông nghiệp & PTNT với tốc độ tái đàn, tăng đàn như hiện nay và tình hình dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ thì nguồn cung thịt lợn cho Tết Tân Sửu sẽ đảm bảo dồi dào, giá cả ở mức hợp lý cho cả người chăn nuôi và tiêu dùng, không có sự tăng giá đột biến, cân đối cung-cầu đảm bảo không bị thiếu hụt thực phẩm. Dù nguồn cung không thiếu nhưng giá thịt lợn vẫn được dự báo tiếp tục tăng. Áp lực với mặt hàng thịt lợn mặc dù vẫn còn nhưng sẽ không quá lớn như những tháng đầu năm 2020. Tại Khánh Hòa giá thịt lợn hơi bình quân trong tháng dao động từ 83.000-88.000 đồng/kg. Giá thịt lợn hơi tăng nên giá lợn thịt và các sản phẩm được sản

xuất từ thịt lợn có tăng so với tháng trước, thịt lợn nạc thăn tăng (+5.938 đồng/kg), thịt đùi tăng (+5.416đồng/kg), thịt ba chỉ tăng (+4.464đồng/kg), giò lụa tăng (+3.572đồng/kg) so tháng trước, giá một số mặt hàng thịt lợn cụ thể: thịt lợn nạc thăn giá từ 150.000-170.000 đồng/kg; thịt ba rọi giá từ 120.000-160.000 đồng/kg; thịt đùi giá từ 115.000-140.000 đồng/kg, sườn non từ 170.000-180.000 đồng/kg; chân giò lợn từ 100.000-110.000 đồng/kg..., trong khi giá thịt lợn tăng, một số thực phẩm tươi sống khác như thịt bò, thịt gà cũng tăng, giá các mặt hàng như cá quả, cá chép, trứng gà, trứng vịt... có dao động tăng, giảm so với tháng trước, thịt bò thăn tăng (+7.343đồng/kg), thịt bò bắp tăng (+6.719đồng/kg), gà ta tăng (+938đồng/kg), mặt hàng thủy hải sản tươi sống tăng so với tháng trước, do thời tiết không thuận lợi, biến động nên sản lượng khai thác giảm, nhưng nhu cầu tiêu dùng vẫn ổn định dẫn đến giá một số mặt hàng tăng như: tôm nuôi nước ngọt loại 40-45 con/kg tăng (+3.125đồng/kg), cá lóc và cá chép có giá ổn định so tháng trước...

- Mặt hàng gà: Giá thịt gia cầm tươi sống tăng 0,93 % so với tháng trước, gà mái ta còn sống loại 1,5kg trở lên dao động giá 90.000-110.000 đồng/kg, gà công nghiệp tăng nhẹ (+1.469đồng/kg) so với tháng trước, giá từ 60.000-80.000 đồng/kg.

- Giá cả các mặt hàng rau củ như bắp cải, bí xanh, cà chua... có dao động giảm so với tháng trước, sau , sau khi tăng mạnh ở tháng trước do ảnh hưởng thời tiết mưa, lũ thì hiện nay giá rau xanh đã giảm trở lại như: Bắp Cải, Cà Chua, Bí Xanh, Cải Xanh,... giảm từ 1,09% - 14,29%; Bắp Cải trắng giảm (-1.000đồng/kg), Cải Xanh giảm (-2.250đồng/kg), Cà Chua giảm (1.000đồng/kg), bí xanh giảm (-143đồng/kg)...

- Giá các mặt hàng thực phẩm công nghệ nhìn chung ít biến động. Giá bán lẻ một số mặt hàng hiện nay như sau: Dầu ăn Simply giá ổn định từ 42.000đ-46.000 đ/chai, đường tinh luyện Biên Hòa từ 18.000 -22.000 đồng/kg, sản phẩm dinh dưỡng Dielac Alpha step 1 hộp thiếc 400g giá ổn định từ 130.000đ-140.000 đồng/hộp, Frisolac Gold 1400g có giá 235.000 đồng/hộp, Optimum Step 1 HT 400g giá 181.000 đồng/hộp....

2. Vật tư nông nghiệp:

- Giá bán lẻ các loại giống như: lúa, ngô, dưa hấu, Cải bẹ Mào gà, Cải xanh ... giá tương đối ổn định không biến động so với tháng trước.

- Các loại Vaccin gia súc, gia cầm, thuốc thú y, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ sâu, diệt cỏ...Giá ổn định so với tháng trước. Có 02 loại Vaccin tăng giảm so tháng trước: Vaccin dịch tả lợn tăng (+300đồng/liều), Vaccin dịch tả vịt giảm (-10đồng/liều).

- Phân đạm, NPK giá ổn định so tháng trước.

3. Đồ uống:

Giá bình quân các loại nước khoáng có giá bán lẻ ổn định so tháng trước, giá các loại mặt hàng nước giải khát có gaz, bia, rượu tăng, giá tăng do nhu cầu

chuẩn bị cho dịp Tết Nguyên đán, nước giải khát có gaz tăng trung bình (+625đồng/thùng), bia tăng (+3.187đồng/thùng), nước khoáng Lavie 4.600đ-5.000đ/chai 500ml, rượu vang đỏ Đà Lạt 85.000đ-120.000đồng/chai 750ml, nước giải khát Coca-Cola 175.000đ-195.000 đồng/thùng 24 lon, bia Sài Gòn xanh 220.000-240.000 đồng/thùng 24 lon, bia tiger 325.000-330.000 đồng/thùng 24 lon,....

4. Vật liệu xây dựng, chất đốt, nước sinh hoạt:

a) Vật liệu xây dựng:

Giá các mặt hàng vật liệu xây dựng: xi măng, thép liên doanh Việt Nhật, ống nhựa, gạch xây giá ổn định so tháng trước, mặt hàng cát xây, cát vàng... giá dao động giảm so tháng trước; Hiện nay, giá xi măng Sông Gianh bao PCB30 bao 50kg không đổi so tháng trước, giá 85.000 đồng/bao 50kg, mặt hàng thép cuộn phi 6 liên doanh Việt Nhật ổn định giá 11.000đ- 15.000 đồng/kg, cát xây giảm (-2.857 đồng/m³) phổ biến 210.000-240.000 đồng/m³, cát vàng (cát tô) giảm (-2.350đồng/m³), giá 230.000-260.000 đồng/m³, gạch xây BT 02 lỗ hình chữ nhật 90x90x190 giá ổn định so tháng trước là 1.600 đồng/viên, gạch xây BT đặc 90x90x190 giá ổn định 1.900 đồng/viên, ống nhựa phi 90 x 2,9mm giá 47.000-56.000 đồng/mét.

b) Khí hóa lỏng (gas đun):

Giá gas bình quân tháng này tăng so với tháng trước, tăng (+2.167 đồng/kg), giá bán lẻ gas Petrô bình 12kg là 358.908 đồng/bình 12kg.

c) Nước sinh hoạt:

Giá nước sinh hoạt thực hiện theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa, cụ thể: Giá nước sinh hoạt 1 (từ 01 m³ - 10 m³ đầu tiên/hộ/tháng) là 5.040 đồng/m³, giá nước sinh hoạt 2 (trên 10 m³ - 20 m³/hộ/tháng) là 6.930 đồng/m³, giá nước sinh hoạt 3 (trên 20 m³ - 30 m³/hộ/tháng) là 7.770 đồng/m³, giá nước sinh hoạt 4 (trên 30 m³/hộ/tháng) là 10.080 đồng/m³.

5. Thuốc chữa bệnh cho người:

Giá thuốc chữa bệnh cho người ổn định so tháng trước không có biến động, theo Quyết định số 693/QĐ-SYT ngày 20/8/2019 của Sở Y tế Khánh Hòa về việc “Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 1- Thuốc Generic; Gói số 2 - Thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị; Gói số 3 - Thuốc cổ truyền (trừ vị thuốc cổ truyền), thuốc dược liệu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao và sinh phẩm cho các đơn vị trong ngành y tế từ tháng 9 năm 2019 đến hết tháng 8 năm 2021”, giá một số mặt hàng thuốc chữa bệnh cho người như sau: Thuốc tim mạch Atorvastatin 10mg, Việt Nam sản xuất, hộp 10 vỉ*10 viên của Công ty CPDP Khánh Hòa giá 1.280 đồng/vỉ; thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng Cefuroxim 500mg, Việt Nam sản xuất, hộp 10 vỉ*10 viên của Công ty CPDP Minh Dân giá 22.590 đồng/vỉ; thuốc dị ứng và các trường hợp quá mẫn cảm Cinnarizin 25mg, Việt Nam, hộp 10 vỉ*10 viên của Công ty CPDP Khánh Hòa 460 đồng/vỉ; thuốc giảm đau, hạ sốt Panactol, Việt Nam sản xuất, hoạt chất Paracetamol 500mg, hộp 10 vỉ*10 viên của Công

ty CPDP Khánh Hòa 5.640 đồng/vi; thuốc tác dụng trên đường hô hấp Acetylcystein, hoạt chất N-acetyl cystein 200mg, Việt Nam sản xuất, hộp 100 gói của Công ty CPDP Cửu Long 3.690 đồng/vi; thuốc vitamin AGIDOXIN, hoạt chất Vitamin B6 250mg, Việt Nam sản xuất, hộp 10 vi*10 viên của Công ty Agimexpharm 3.680 đồng/vi; thuốc đường tiêu hóa Kagasdine, hoạt chất Omeprazol 20mg, Việt Nam sản xuất, hộp 10 vi*10 viên của Công ty CPDP Khánh Hòa 1.310 đồng/vi; thuốc Hóc môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết Metformin 500mg, Việt Nam sản xuất, hộp 4 vi*15 viên của Công ty CPDP Tipharco 1.450 đồng/vi.

6. Dịch vụ y tế:

Giá dịch vụ y tế không đổi so tháng trước do Sở Y tế cung cấp cụ thể:

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước: Khám bệnh tại bệnh viện hạng 1 là 39.000 đồng/lượt; dịch vụ ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1 tại bệnh viện hạng 1 là 199.100 đồng/ngày; siêu âm 49.000 đồng/lượt; dịch vụ chụp X-quang số hóa 1 phim 47.000 đồng/lượt; điện tâm đồ 45.900 đồng/lượt; nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết 231.000 đồng/lượt, châm cứu (có kim dài) 81.800đ/lượt...

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (tại Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa): Khám bệnh 70.000 đồng/lượt; siêu âm trắng đen 100.000 đồng/lượt; dịch vụ chụp X-quang số hóa 1 phim 100.000 đồng/lượt; điện tâm đồ 60.000 đồng/lượt; nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết 340.000 đồng/lượt, châm cứu (có kim dài) 100.000đ/lượt...

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (tại Phòng khám Đa khoa Thiện Trang): Khám bệnh 70.000 đồng/lượt; siêu âm 180.000 đồng/lượt; dịch vụ chụp X-quang số hóa 1 phim 180.000 đồng/lượt; điện tâm đồ 70.000 đồng/lượt; nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết 350.000 đồng/lượt, hàn composite cổ răng 200.000đ/lượt..

7. Giao thông:

a) Dịch vụ trông giữ xe:

Giá dịch vụ trông giữ xe máy, xe ô tô thực hiện theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể giá dịch vụ trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước theo lượt ban ngày tối đa không quá 4.500 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ xe máy, xe máy điện; tối đa không quá 18.000 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi (khuyến khích áp dụng mức thu bằng dịch vụ giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước là 3.000 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ xe máy, xe máy điện và 12.000 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi).

b) Giá cước vận tải hành khách:

Giá cước vận tải hành khách tháng 1/2021 ổn định. Vé xe khách có tại các tuyến đường phổ biến, khách hàng có nhiều sự lựa chọn các hãng xe khác cùng tuyến như hãng xe Phương Nam, Phúc An Express, Khánh Phong Limousine, Hà Linh, Trà Lan Viên, Cúc Tùng... giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô giường nằm, máy lạnh tuyến Khánh Hòa đi thành phố Hồ Chí Minh giá dao động từ 200.000-400.000 đồng/vé, đồng thời đáp ứng nhu cầu đi lại của hành khách trong dịp Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội Xuân Tân Sửu 2021, Sở Giao thông vận tải đã ban hành Công văn số 88/SGTVT-QLVTPT&NL ngày 11/01/2021 về tỷ lệ phụ thu giá cước vận tải hành khách đối với các tuyến vận chuyển có lịch chiều trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, áp dụng từ ngày 01/02/2021 đến ngày 27/02/2021. Giá cước xe buýt tuyến Bình Tân-Trần Phú-Thành 9.000 đồng/vé/luợt; cước taxi xe thường 4 chỗ ngồi có giá 5.400-8.657 đồng/600 mét đầu tiên, giá 11.000-15.500 đồng/km từ 601 mét đến km thứ 30 và giá 7.500-11.000 đồng/km từ km thứ 31 trở đi. Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, Sở Giao thông vận tải Khánh Hòa vẫn áp dụng Công văn số 1156/SGTVT-QLVTPT&NL ngày 23/4/2020 “Về việc triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về phòng, chống dịch Covid-19”, thực hiện từ 0 giờ ngày 24/4/2020, đối với các đơn vị vận tải đang hoạt động tuyến cố định tại các bến xe được phép hoạt động tối đa 30% theo biểu đồ đối với các tỉnh thuộc nhóm có nguy cơ và tối đa đến 50% theo biểu đồ đối với các tỉnh thuộc nhóm có nguy cơ thấp (tối thiểu không nhỏ hơn 01 chuyến/tuyến); Trang bị dung dịch rửa tay (có ít nhất 60% nồng độ cồn), dung dịch khử khuẩn, thùng rác có nắp đậy trên mọi phương tiện vận tải; sắp xếp, bố trí hành khách ngồi giãn cách trên phương tiện (không chở quá 50% số ghế và cách 01 ghế) hoặc đảm bảo cách nhau 1 mét. Trang bị và yêu cầu tất cả nhân viên phục vụ, hành khách phải đeo khẩu trang khi lên xe và trong suốt quá trình vận chuyển, hành khách khai báo y tế điện tử (hoặc khai báo y tế giấy); Kiểm tra thân nhiệt, sát khuẩn tay, lập và lưu trữ danh sách hành khách, số điện thoại, địa chỉ; Nếu phát hiện hành khách có biểu hiện sốt, ho, khó thở cần thông báo đến đường dây của Sở Y tế hoặc Bộ Y tế (số điện thoại: 1900 3228 hoặc 1900 9095) và đến cơ sở y tế gần nhất để được tư vấn và điều trị kịp thời...

c) Xăng dầu:

- Giá xăng, dầu được Bộ Tài chính điều chỉnh tăng 02 lần trong tháng, 01 lần điều chỉnh tăng kể từ 15h00 ngày 26/12/2020, Công ty Xăng dầu Phú Khánh ban hành Quyết định số 718/PLXPK-QĐ-GĐ ngày 26/12/2020 và điều chỉnh tăng 01 lần kể từ 15h00 ngày 11/1/2021 tại Quyết định số 008/PLXPK-QĐ-GĐ ngày 11/01/2021, giá xăng, dầu tăng giữa 2 đợt điều chỉnh trong tháng cụ thể như sau: Xăng không chì Ron 95-III tăng (+470đồng/lít), xăng sinh học E5 Ron 92-II tăng (+430 đồng/lít), dầu diezen 0,001S-V tăng (+270đồng/lít), dầu diezen 0,05S-II tăng (+ 280 đồng/lít), dầu hỏa tăng (+380 đồng/lít).

- Hiện giá bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh là: Xăng không chì Ron 95-III giá 17.260 đồng/lít, xăng sinh học E5 Ron 92-II giá 16.250 đồng/lít, dầu diezen

0,001S-V giá 13.240 đồng/lít, dầu diezen 0,05S-II giá 12.890 đồng/lít, dầu hỏa 2-K giá 17.780 đồng/lít (giá bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế BVMT).

8. Dịch vụ giáo dục:

- Giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, dạy nghề học sinh phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, dạy nghề học sinh phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể:

+ Mức thu học phí mầm non (mẫu giáo, nhà trẻ) khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 140.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố), các đảo thuộc phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang là 45.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi, các đảo thuộc huyện Trường Sa là 30.000 đồng/học sinh/tháng.

+ Mức thu học phí trung học cơ sở khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 60.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 35.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi là 25.000 đồng/học sinh/tháng.

+ Mức thu học phí trung học phổ thông khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 70.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 45.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi là 30.000 đồng/học sinh/tháng.

+ Mức thu học phí dạy nghề phổ thông tại các trung tâm giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 60.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 35.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi là 25.000 đồng/học sinh/tháng.

- Giá dịch vụ giáo dục (học phí) đào tạo cao đẳng công lập, đào tạo đại học công lập đối với các ngành, nghề đào tạo theo chỉ tiêu tuyển sinh được Nhà nước cấp kinh phí thực hiện theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể: Dịch vụ đào tạo cao đẳng công lập Ngành y dược, Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa là 940.000 đồng/tháng/sinh viên; dịch vụ giáo dục đào tạo đại học công lập Ngành Khoa học tự nhiên, Trường Đại học Khánh Hòa là 570.000 đồng/tháng/sinh viên.

9. Giải trí và Du lịch:

Ngành du lịch Khánh Hòa xác định ưu tiên lớn nhất là khách nội địa. Sở Du lịch cho biết, ước tính trong tháng 1/2021, toàn tỉnh đón khoảng 61.000 lượt

khách lưu trú; giảm khoảng 87% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khách quốc tế ước đạt 2.000 lượt khách, giảm 99%; khách nội địa ước đạt 59.000 lượt khách, giảm gần 69%. Để tăng cường thu hút khách, trong tháng 1-2021, Sở Du lịch đã ban hành văn bản đề nghị doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh tiếp tục nghiêm túc triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; tổ chức các hoạt động đón khách trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội xuân năm 2021. Sở Du lịch đang xây dựng kế hoạch tổ chức lễ đón chuyến bay đầu tiên đến xông đất Nha Trang - Khánh Hòa dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021. Dịp này, các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã nỗ lực hết sức để xây dựng chương trình giảm giá kích cầu du lịch, triển khai nhiều gói sản phẩm mới, hấp dẫn cũng như chú trọng chất lượng dịch vụ nhằm thu hút du khách với các chương trình tiệc gala chào năm mới, âm thực, ca nhạc, các trò chơi vui nhộn; tiệc đêm ngược, rút thăm trúng thưởng... Trước tình hình dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp, thị trường khách quốc tế sẽ rất khó hồi phục. Vì thế, Nha Trang nói riêng và Khánh Hòa nói chung cần thay đổi chính sách, tăng cường xúc tiến các thị trường tiềm năng; tăng cường liên kết giữa các vùng để trao đổi khách; đầu tư các điểm vui chơi, giải trí và tập trung vào lượng khách nội địa thì du lịch mới mong vực trở lại. Trong tháng 1/2021, khách du lịch nội địa đã đến với Khánh Hòa nhưng chưa nhiều nên giá phòng khách sạn không có biến động lớn so với tháng 12/2020, thống kê từ các đơn vị kinh doanh dịch vụ lưu trú giá phòng khách sạn có tăng nhẹ từ 10-20% như giá phòng khách sạn 3 sao, loại hai giường đơn hoặc 1 giường đôi, có tivi, điều hòa, nước nóng, điện thoại cố định, vệ sinh khép kín, Wifi, hồ bơi ngoài trời, 2 khách/phòng có giá từ 500.000-600.000 đồng/phòng/ngày đêm; giá phòng nhà khách loại 1 giường, điều hòa, nước nóng-lạnh, phòng vệ sinh khép kín, 2 khách/phòng có giá là 250.000-300.000 đồng/phòng/ngày đêm.

10. Vàng, đô la Mỹ:

a) Vàng:

Tháng này giá vàng (nhẫn 99%) bình quân trên thị trường tăng so với tháng trước, tăng (+2,2%). Giá vàng thế giới tăng mạnh trở lại sau khi Tổng thống Mỹ đắc cử Joe Biden thúc đẩy quốc hội hành động nhanh chóng để thông qua kế hoạch cứu trợ kinh tế 1.900 tỉ USD, giới đầu tư đang kỳ vọng đồng bạc xanh sẽ suy yếu trong thời gian tới, tạo đà cho giá vàng đi lên. Vì thế, tại thời điểm này họ quyết định dồn vốn vào kim loại quý. Các chuyên gia tài chính cho rằng thị trường vàng đang biến động mạnh với những lực đẩy trái ngược. Trước hết, nếu dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, các nhà đầu tư sẽ đầu tư vào vàng như một tài sản an toàn. Thứ hai, nếu các chính phủ trên toàn cầu tung lượng lớn tiền vào lưu thông, đẩy rủi ro lạm phát tăng cao, giới đầu tư sẽ đẩy mạnh mua vàng như một "hàng rào" chống lạm phát. Tình hình chính trị Mỹ rối loạn cũng là trợ lực cho giá vàng. Giá vàng thế giới có thể đạt 2.000 USD/ounce trong năm 2021, trong khi giá vàng trong nước lên tới 58-60 triệu đồng/lượng. Thị trường Khánh Hòa giá vàng bán ra dao động ở mức 5.453.000-5.572.000 đồng/chỉ; giá vàng bán ra dao động tăng mạnh vào đầu tuần mới của tháng từ ngày 04/01 - 08/01/2021 với giá giao động từ 5.520.000-5.572.000 đồng/chỉ. Mức giá bán ra

bình quân tháng 01/2021 của vàng nhẫn 99% tăng 118 đồng/chi so với tháng trước.

b) Đô la Mỹ:

Giá USD bình quân tại Khánh Hòa giảm so tháng trước, giảm 0,2%, trong thời gian qua, đồng USD đã suy yếu mạnh mẽ, tâm lý rủi ro đã được thúc đẩy trong vài tháng qua, gây bất lợi cho đồng đô la Mỹ vốn được xem là tài sản an toàn, với hy vọng về gói kích thích kinh tế của Mỹ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, tình hình dịch COVID-19 đang gia tăng và dữ liệu kinh tế của Mỹ đã chỉ ra tốc độ phục hồi không mấy tích cực. Sự chú ý sẽ bắt đầu tập trung vào việc công bố số liệu GDP, dự kiến cho thấy sự phục hồi kinh tế của Mỹ đã suy yếu khi nó tiếp tục chống chọi lại tốc độ lây nhiễm COVID-19 gia tăng. Đồng USD được dự báo sẽ đi xuống nếu quốc hội Mỹ thông qua gói kích thích kinh tế 1.900 tỷ USD. Đồng bạc xanh chịu áp lực giảm còn trong bối cảnh bà Janet Yellen được Thượng viện Mỹ thông qua đề cử giữ cương vị Bộ trưởng Tài chính Mỹ, trở thành thành viên chính thức thứ ba trong nội các của chính quyền tân Tổng thống Joe Biden. Tỷ giá bán ra đồng Đô la Mỹ tại ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Khánh Hòa trong tháng 1/2021 dao động từ 23.150-23.245đồng/USD, tỷ giá bán ra tương đối ổn định vào thời điểm sau tuần đầu tiên của tháng kể từ ngày 11/01/2021 trở đi giá ổn định 23.160 đồng/USD. Tỷ giá bán ra đô la Mỹ bình quân tháng 01/2021 giảm 47 đồng/USD so với tháng trước.

B. Công tác chỉ đạo quản lý giá tháng 01 năm 2021:

1. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư số 45/2018/TT-BTC gửi Bộ Tài chính;

2. Tham gia ý kiến gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc lấy ý kiến tham mưu giải quyết đề nghị của UBND thành phố Cam Ranh về xử lý Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số xóm Mới, xóm Suối Hai và xóm Bà Hùng, xã Cam Phước Đông và Hệ thống cấp nước cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Cam Thịnh Tây;

3. Tham gia ý kiến gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xác định tiền cấp quyền thu hồi khoáng sản sét gạch ngói tại xứ đồng Giũa, xứ đồng Hà Thô, xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa và về đơn giá dịch vụ sự nghiệp công ngành tài nguyên môi trường về lĩnh vực đất đai;

4. Báo cáo đề nghị UBND tỉnh cho phép tạm áp dụng đơn giá tại Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh để ký hợp đồng đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021; trong thời gian chờ Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các tổ chức, đơn vị khai thác công trình thủy lợi căn cứ dự toán ngân sách được giao năm 2021 để xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn từ năm 2021 trở đi;

5. Tổ chức theo dõi, khảo sát, tổng hợp báo cáo giá thị trường các mặt hàng theo danh mục quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường; báo cáo giá các mặt hàng theo danh mục trên Phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo Công văn số

2527/BTC-QLG ngày 06/3/2019 của Bộ Tài chính về việc triển khai nhập liệu báo cáo giá cả thị trường vào CSDL quốc gia về giá, kết hợp báo cáo theo quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC (Khánh Hòa là một trong số 20 tỉnh thực hiện báo cáo trên Phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá giai đoạn 1).

6. Tổ chức tiếp nhận, kiểm soát biểu mẫu kê khai giá đối với các cơ sở kinh doanh các mặt hàng gạo, đường ăn, xi măng, xăng dầu, khí hóa lỏng, thức ăn chăn nuôi, phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, dịch vụ cảng biển...; tiếp nhận biểu mẫu kê khai giá dịch vụ lưu trú của các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú trên địa bàn thành phố Nha Trang, biểu mẫu kê khai giá dịch vụ du lịch lữ hành. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 28/1/2021 đã tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ kê khai giá, duyệt 56 hồ sơ kê khai giá các loại.

Sở Tài chính Khánh Hòa báo cáo./.

(Đính kèm Bảng giá thị trường tháng 1 năm 2021).

Nơi nhận: (VBĐT)

- Bộ Tài chính A+B (Cục quản lý giá) (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (phối hợp);
- Phòng Tài chính các huyện, thị xã, TP (phối hợp);
- Trại giam A2 Đồng Giang Diên Khánh (để biết);
- Phòng Hậu cần-Công an tỉnh Khánh Hòa (để biết);
- Lưu: VT, QLG&CS, N₁

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quốc Thành

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 1 NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 333/BC-STC ngày 20/11/2021 của Sở Tài chính Khánh Hoà)

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kỹ thuật, chất lượng, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm) (%)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguyên nhân biến động	Đơn vị tính	Giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	01	LƯƠNG THỨC, THỰC PHẨM										
1	01.0001	Thóc, gạo tẻ thường	Khang dân hoặc tương đương	d/kg	Giá bán lẻ	12.743	13.143	400	3,14	Do trực tiếp điều tra, thu thập	d/kg	Gạo tẻ thường trắng địa phương từ 1.000 - 14.000 đ/kg
2	01.0002	Gạo tẻ ngon	Tám thơm hoặc tương đương	d/kg	Giá bán lẻ	18.567	18.833	166	0,89	Do trực tiếp điều tra, thu thập	d/kg	Gạo Tám thơm, gạo Tía, Lài sữa, Lóc Phương, Phước Thành, Đồng Văn từ 16.000 - 23.000 đ/kg
3	01.0003	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)	Thịt heo hơi bán theo kg	d/kg	Giá bán lẻ	81.929	86.179	4.250	5,19	Do trực tiếp điều tra, thu thập	d/kg	Giá từ 83.000- 88.000đ/kg
4	01.0004	Thịt lợn nạc thăn (Thịt heo nạc thăn)	Thịt heo nạc thăn bán theo kg	d/kg	Giá bán lẻ	153.031	158.969	5.938	3,88	Do trực tiếp điều tra, thu thập	d/kg	Giá từ 150.000- 170.000đ/kg
5	01.0005	Thịt bò thăn	Thịt bò thăn bán theo kg	d/kg	Giá bán lẻ	252.188	259.531	7.343	2,91	Do trực tiếp điều tra, thu thập	d/kg	Từ 240.000 - 270.000 đ/kg
6	01.0006	Thịt bò hấp	Bắp hoa hoặc bắp lồi, loại 200 - 300 gram/cái	d/kg	Giá bán lẻ	226.875	233.594	6.719	2,96	Do trực tiếp điều tra, thu thập	d/kg	Từ 210.000 - 250.000 đ/kg
7	01.0007	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 - 2kg/1 con hoặc phổ biến	d/kg	Giá bán lẻ	100.781	101.719	938	0,93	Do trực tiếp điều tra, thu thập	d/kg	Từ 90.000 - 110.000 đ/kg
8	01.0008	Cà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lông, loại 1,5 - 2kg/1 con hoặc phổ biến	d/kg	Giá bán lẻ	67.031	68.500	1.469	2,19	Do trực tiếp điều tra, thu thập	d/kg	Từ 60.000 - 80.000 đ/kg
9	01.0009	Giò lụa	Loại 1 kg	d/kg	Giá bán lẻ	155.714	159.286	3.572	2,29	Do trực tiếp điều tra, thu thập	d/kg	Từ 145.000 - 180.000 đ/kg
10	01.0010	Cá quả (cá lóc)	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	d/kg	Giá bán lẻ	76.857	76.857	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	d/kg	65.000 - 85.000 đ/kg
11	01.0011	Cá chép	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	d/kg	Giá bán lẻ	80.833	80.833	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	d/kg	Từ 70.000 - 90.000 đ/kg
12	01.0012	Tôm rào, tôm nuôi nước ngọt	Loại 40-45 con/kg	d/kg	Giá bán lẻ	164.375	167.500	3.125	1,90	Do trực tiếp điều tra, thu thập	d/kg	Từ 150.000 - 190.000 đ/kg

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (phổ biến)	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chú chú
13	01.0013	Bắp cải trắng	Loại to vừa khoảng 0,5-1kg/bắp	đ/kg	Giá bán lẻ	16.536	15.536	(1.000)	(6,05)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá giảm so tháng trước
14	01.0014	Cải xanh	Cải ngọt hoặc cải cay theo mùa	đ/kg	Giá bán lẻ	15.750	13.500	(2.250)	(14,29)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá giảm so tháng trước
15	01.0015	Bí xanh	Quả từ 1-2 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	13.143	13.000	(143)	(1,09)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá giảm nhẹ
16	01.0016	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đ/kg	Giá bán lẻ	19.964	18.964	(1.000)	(5,01)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá giảm so tháng trước
17	01.0017	Muối hạt	Goi 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	5.417	5.500	83	1,53	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 4.000đ-8.000đ/kg
18	01.0018	Dầu thực vật	Chai 01 lít	đ/lít	Giá bán lẻ	44.375	45.375	1.000	2,25	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Dầu Simply giá từ 42.000 - 46.000 đ/chai, giá ổn định
19	01.0019	Đường trắng kết tinh, nội	Goi 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	20.100	20.500	400	1,99	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Đường Biên Hòa từ 18.000đ-22.000đ/kg
20	01.0020	Sữa bột dùng cho trẻ em dưới 06 tuổi		đ/hộp	Giá bán lẻ	133.800	131.600	(2.200)	(1,64)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Sữa Dielac Alpha Steps 1, hộp thiết 400g
II 02 VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP											
21	02.0005	Giống lúa nếp 97, cấp NC		đ/kg	Giá bán lẻ	65.000	65.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
22	02.0010	Giống lúa Khang dân 18		đ/kg	Giá bán lẻ	75.000	75.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
23	02.0012	Giống lúa T10		đ/kg	Giá bán lẻ	14.000	14.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
24	02.0020	Giống lúa khác phổ biến		đ/kg	Giá bán lẻ	15.000	15.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Lúa 202
25	02.0024	Giống ngô SSC586		đ/kg	Giá bán lẻ	72.500	72.500	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 65.000 - 75.000 đ/kg
26	02.0026	Giống ngô B21		đ/kg	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
27	02.0028	Giống ngô LVN4 F1		đ/kg	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
28	02.0043	Hạt giống Cải bẹ Mắc gà GRQ09, cấp xác nhận		đ/kg	Giá bán lẻ	750.000	750.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
29	02.0046	Hạt giống Cải xanh lùn Thanh Giang Trung Quốc, cấp xác nhận		đ/kg	Giá bán lẻ	245.000	245.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
30	02.0050	Vac-xin Lở mồm long móng	25 liều/lọ	đ/liều	Giá bán lẻ	31.500	31.500	-	-	Do cơ quan/dơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/bảo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dịch vụ	Đặc điểm kinh tế kỹ thuật quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá trị trước thuế	Giá trị năm	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Đơn vị quản lý	Chỉ chủ
31	02.0051	Vac-xin Tai xanh (PRRS)	10 liều/lọ	đ/liều	Giá bán lẻ	28.000	28.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
32	02.0052	Vac-xin tụ huyết trùng	25 liều/lọ	đ/liều	Giá bán lẻ	5.460	5.460	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
33	02.0053	Vac-xin dịch tả lợn	25 liều/lọ	đ/liều	Giá bán lẻ	3.500	3.800	300	8,57	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
34	02.0054	Vac-xin cúm gia cầm	200 liều/lọ	đ/liều	Giá bán lẻ	378	378	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
35	02.0055	Vac-xin dịch tả vịt	500 liều/lọ	đ/liều	Giá bán lẻ	145	135	(10)	(6,90)	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
36	02.0056	Thuốc thú ý	Chứa các hoạt chất: Ampicillin, Amoxicillin; Colistin; Florfenicol; Tylosin; Doxycyclin; Gentamycin; Spiramycin; Oxytetracycline; Kanamycin; Streptomycin; Lincormycin; Cephalexin; Flumequin.	đ/chai	Giá bán lẻ	6.300	6.300	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Chứa các hoạt chất: Bio-Amoxicillin, chai 10ml; Công ty liên doanh BIO-PHARMACHEMIE; sản xuất trong nước
37	02.0057	Thuốc trừ sâu	Chứa hoạt chất Fenobucarb; Pymethrozin; Dinotefuran, Ethofenprox ; Buprofezin ; Imidacloprid ; Fipronil.	đ/lit	Giá bán lẻ	110.417	110.417	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Chứa hoạt chất Fenobucarb (sản phẩm BASSA 50 EC), Công ty CP Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

ST Mã hàng, Tên hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chi chú	
38	02.0058	Thuốc trừ bệnh	Chứa hoạt chất: Isoprothiolane; Tricyclazole; Kasugamycin; Fenoxanil; Fosetyl-aluminium; Merialaxy; Mancozeb; Zined.	d/lít	Giá bán lẻ	370.000	370.000	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Chứa hoạt chất Isoprothiolane (sản phẩm Vifasi 40EC), Công ty CP thuốc sát trùng Việt Nam	
39	02.0059	Thuốc trừ cỏ	Chứa hoạt chất: Glyphosate; Pretlachlor; Quinclorac; Ametryn.	d/lít	Giá bán lẻ	75.000	75.000	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Chứa hoạt chất Glyphosate (sản phẩm Carphosate 480SL), Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông	
40	02.0060	Phân đạm urê	Có hàm lượng Nitơ (N) tổng số $\geq 46\%$;	d/kg	Giá bán lẻ	8.000	8.000	-		Tổng Công ty Phân bón và hóa chất dầu khí	
41	02.0061	Phân NPK	Có tổng hàm lượng các chất dinh dưỡng Nitơ tổng số (Nts), lân hữu hiệu (P2O5hh), kali hữu hiệu (K2Ohh) \geq 18%.	d/kg	Giá bán lẻ	13.000	13.000	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Công ty CP Phân bón Bình Điền	
III 03 ĐỒ UỐNG											
42	03.0001	Nước khoáng	Chai nhựa 500ml	d/chai	Giá bán lẻ	5.000	5.000	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Nước khoáng Lavie	
43	03.0002	Rượu vang nội	Chai 750ml	d/chai 750ml	Giá bán lẻ	100.083	100.083	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Rượu vang Đà Lạt từ 85.000 - 120.000 d/chai	
44	03.0003	Nước giải khát có ga	Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	d/thùng (24 lon)	Giá bán lẻ	184.375	185.000	625	0,34	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Coca-cola từ 175.000 - 195.000 d/thùng
45	03.0004	Bia lon	Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	d/thùng (24 lon)	Giá bán lẻ	231.938	235.125	3.187	1,37	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Bia Sài Gòn từ 220.000 - 250.000 d/thùng

ST	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá so sánh trước đây	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm)	Nguồn thông tin	Ghi chú
54	05.0001	Thuốc tim mạch	Hoạt chất Amlodipin 10 mg hoặc Hoạt chất Atorvastatin 10mg hoặc Hoạt chất Nifedipin 20mg	đ/vi	Giá bán buôn	1.280	1.280	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/bảo cáo theo quy định	Atorvastatin 10mg, Việt Nam, Hộp 10 v [*] 10 viên, Uông, Công ty CPDP Khánh Hòa
55	05.0002	Thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng	Hoạt chất Cefuroxim 500mg hoặc Hoạt chất Amoxicilin 500mg	đ/vi	Giá bán buôn	22.590	22.590	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Cefuroxim 500mg, Việt Nam, Hộp 10 v [*] 10 viên, Uông, Công ty CPDP Minh Dân
56	05.0003	Thuốc dị ứng và các trường hợp quá mẫn cảm	Hoạt chất Cinnarizin 25mg hoặc Hoạt chất Fexofenadin 60mg	đ/vi	Giá bán buôn	460	460	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Cinnarizin 25mg, Việt Nam, Hộp 10 v [*] 10 viên, Uông, Công ty CPDP Khánh Hòa
57	05.0004	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid và thuốc điều trị gút và các bệnh xương	Hoạt chất Paracetamol 500mg hoặc Hoạt chất Alpha Chymotrypsin 4.2mg	đ/vi	Giá bán buôn	5.640	5.640	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Hoạt chất Paracetamol 500mg, thuốc Panactol, Việt Nam, Hộp 10 v [*] 10 viên, Uông, Công ty CPDP Khánh Hòa
58	05.0005	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	Hoạt chất N-acetylcystein 200mg	đ/vi	Giá bán buôn	3.690	3.690	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Acetylcystein, Việt Nam, Hộp 100 gói, Uông, Công ty CPDP Cùn Long
59	05.0006	Thuốc vitamin và khoáng chất	Vitamin B1 hoặc B6 hoặc B12	đ/vi	Giá bán buôn	3.680	3.680	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Vitamin B6, thuốc AGIDOXIN, Việt Nam, Hộp 10 v [*] 10 viên, Uông, Công ty Agimex:pharm

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (phụ liệu)	Giá trị thuế GTGT	Giá trị này	Mức tăng (giảm) (%)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chỉ chủ
66	06.0005	Xét nghiệm tế bào cận nước tiêu hoặc cận Adis	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/lượt	Giá bán lẻ	42.400	42.400	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	
67	06.0006	Điện tâm đồ	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/lượt	Giá bán lẻ	45.900	45.900	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	
68	06.0007	Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/lượt	Giá bán lẻ	231.000	231.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	
69	06.0008	Hàn composite cố răng	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/lượt	Giá bán lẻ	324.000	324.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	
70	06.0009	Chăm cứu (có k-am đầu)	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/lượt	Giá bán lẻ	81.800	81.800	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	
71	06.0010	Khám bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/lượt	Giá bán lẻ	70.000	70.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
72	06.0011	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/ngày	Giá bán lẻ	900.000	900.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Phòng 1 giường, Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dịch vụ	Đặc điểm kinh tế kỹ thuật, quy cách bệnh của Nhà nước	Đơn vị tính	Loại giá phù hợp	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Đơn vị
73	06.0012	Siêu âm	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	100.000	100.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Siêu âm trắng đen, Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
74	06.0013	X-quang số hóa I phim	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	100.000	100.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
75	06.0014	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu hoặc cận Adis	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	150.000	150.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Làm xét nghiệm tế bào cận Adis (Bệnh viện không làm xét nghiệm nước tiểu), Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
76	06.0015	Điện tâm đồ	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
77	06.0016	Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	340.000	340.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
78	06.0017	Hàn composite cố răng	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	400.000	400.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
79	06.0018	Châm cứu (có kim dài)	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	100.000	100.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa

ST Mã hàng T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dịch vụ	Đặc điểm kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chi chi
80	06.0019	Khám bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/ lượt	Giá bán lẻ	70.000	70.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/bảo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
81	06.0021	Siêu âm	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/ lượt	Giá bán lẻ	180.000	180.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/bảo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
82	06.0022	X-quang số hóa 1 phim	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/ lượt	Giá bán lẻ	180.000	180.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/bảo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
83	06.0023	Xét nghiệm tế bào cần nước tiểu hoặc cần Adis	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/ lượt	Giá bán lẻ	50.000	50.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/bảo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
84	06.0024	Điện tâm đồ	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/ lượt	Giá bán lẻ	70.000	70.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/bảo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
85	06.0025	Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/ lượt	Giá bán lẻ	350.000	350.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/bảo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
86	06.0026	Hàn composite có răng	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/ lượt	Giá bán lẻ	200.000	200.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cùng cấp/bảo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
VII 07 GIAO THÔNG											
87	07.0001	Trọng giữ xe máy		đ/ lượt	Giá bán lẻ	3.167	3.167	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phẩm	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chiều
88	07.0002	Trông giữ ô tô		d/lượt	Giá bán lẻ	12.000	12.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Giữ xe ban ngày tại những nơi có nhiều nhu cầu trông giữ phương tiện
89	07.0003	Giá cước ô tô đi đường dài	Chọn 1 tuyến phổ biến, xe đường dài máy lạnh	d/vé	Giá bán lẻ	250.000	250.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Tuyến Nha Trang - Sài Gòn xe giường nằm, máy lạnh
90	07.0004	Giá cước xe buýt công cộng	Đi trong nội tỉnh, dưới 30km	d/vé	Giá bán lẻ	9.000	9.000	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	
91	07.0005	Giá cước taxi	Lấy giá 10km đầu, loại xe 4 chỗ	d/km	Giá bán lẻ	13.500	13.500	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Hãng taxi Mai Linh
92	07.0006	Xăng E5 Ron 92		d/lit	Giá bán lẻ	15.105	16.028	923	6,11	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Xăng sinh học E5 Ron 92-II
93	07.0007	Xăng Ron 95		d/lit	Giá bán lẻ	15.996	17.017	1.021	6,38	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Xăng không chì Ron 95-III
94	07.0008	Dầu Diesel		d/lit	Giá bán lẻ	11.893	12.745	852	7,16	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Dầu Diesel 0,05S-II
VII	08	DỊCH VỤ GIÁO DỤC									

ST T	Mã hàng T. Mã	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước tháng	Giá kỳ này	Mức tăng/ (giảm)	Tỷ lệ tăng/ (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chi chú
95	08.0001	Dịch vụ giáo dục trường mầm non công lập		đ/tháng	Giá bán lẻ	140.000	140.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Trường mầm non tại các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố
96	08.0002	Dịch vụ giáo dục trường trung học cơ sở công lập (lớp 8)		đ/tháng	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Trường trung học cơ sở công lập tại các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố
97	08.0003	Dịch vụ giáo dục trường trung học phổ thông công lập (lớp 11)		đ/tháng	Giá bán lẻ	70.000	70.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Trường trung học phổ thông công lập tại các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố
98	08.0004	Dịch vụ giáo dục đào tạo nghề công lập		đ/tháng	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp Khánh Hòa, dạy nghề học sinh phổ thông
99	08.0006	Dịch vụ giáo dục đào tạo cao đẳng công lập		đ/tháng	Giá bán lẻ	940.000	940.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Mức thu học phí đối với các ngành, nghề đào tạo theo chỉ tiêu tuyển sinh được Nhà nước cấp kinh phí - Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa, Ngành Y được

ST T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kỹ thuật, hình ảnh, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá trước	Giá nay	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chi chú	
100	08.0008	Dịch vụ giáo dục đào tạo đại học công lập hoặc trong trường đại học công lập		d/tháng	Giá bán lẻ	570.000	570.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Mức thu học phí đối với các ngành, nghề đào tạo theo chỉ tiêu tuyển sinh được Nhà nước cấp kinh phí - Trường Đại học Khánh Hòa, Ngành Khoa học tự nhiên	
IX	09	GIẢI TRÍ VÀ DU LỊCH										
101	09.0001	Du lịch trọn gói trong nước	Cho 1 người chuyển 2 ngày 1 đêm (từ đầu, đến đầu...)	d/chuyến	Giá bán lẻ	1.630.000	#####	-	-	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Nha Trang - Đà Lạt	
102	09.0002	Phòng khách sạn 3 sao hoặc trong trường	Hai giường đơn hoặc 1 giường đôi, có tivi, điều hòa nước nóng, điện thoại cố định, vệ sinh khép kín, Wifi	d/ngày-đêm	Giá bán lẻ	500.000	600.000	100.000	20,00	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Khách sạn Nhị Phi (phòng ở 2 khách); giá do ảnh hưởng dịch bệnh Covid	
103	09.0003	Phòng nhà khách tư nhân	1 giường, điều hoà, nước nóng-lạnh, phòng vệ sinh khép kín	d/ngày-đêm	Giá bán lẻ	250.000	300.000	50.000	20,00	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Nhà khách C30-Glory (phòng ở 2 khách); tăng giá so với tháng trước	
X	10	VÀNG, ĐÓ LA MỸ										
104	10.0001	Vàng 99,99%	Kiểu nhẫn tròn 1 chỉ	1000 d/chỉ	Giá bán lẻ	5.365	5.483	118	2,20	Do trực tiếp điều tra, thu thập		
105	10.0002	Đó la Mỹ	Loại tờ 100USD	d/USD	Giá bán lẻ	23.222	23.175	(47)	(0,20)	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp		